

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ GIA MẬP  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ - ST

Ngày 17-3-2022

V/v: “*Tranh chấp Ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Văn Phú Vinh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Mùa

Ông Điều Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thanh - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:**

Ông Hoàng Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 116/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Mộng A, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn BX, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*xin giải quyết vắng mặt*).

**- Bị đơn:** Ông Ngô Duy B, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn BX, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt không có lý do*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 6 năm 2021, bản tự khai và biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Mộng A trình bày:*

Bà Nguyễn Mộng A và ông Ngô Duy B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 03 tháng 5 năm 2012. Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp

nhau, bất đồng quan điểm sống, ông B thường xuyên uống rượu, không chịu lo làm ăn kinh tế chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ con, bà A đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông B không nghe và còn đánh đập bà A nhiều lần. Nay bà A xác định tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc từ lâu không còn ai quan tâm đến ai, bà A và ông B đã sống ly thân với nhau từ năm cuối năm 2020 cho đến nay. Do đó, bà A đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập giải quyết được ly hôn với ông Ngô Duy B.

*Về con chung:* Trong thời gian chung sống, bà A và ông B có 02 người con chung là Ngô Thị Trà C, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2012 và Ngô Thị Mẫn D, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2015. Sau khi ly hôn, bà A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung là Ngô Thị Trà C, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2012 và Ngô Thị Mẫn D, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2015 cho đến khi đủ 18 tuổi.

*Về cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Nguyễn Mộng A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Ngô Duy B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.*

*Tại bản tự khai ngày 19 tháng 01 năm 2022 cháu Ngô Thị Trà C trình bày:*

Hiện nay cháu 10 tuổi và cháu đang học lớp 4 tại Trường Trung học cơ sở xã ĐO, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, cháu có biết việc bố mẹ yêu cầu giải quyết việc ly hôn với nhau tại Tòa án nhưng cháu không có ý kiến gì vì cháu thấy mẹ và bố đã không chung sống với nhau và bố thường hay uống rượu và chửi mẹ, hiện nay cháu đang sống cùng với mẹ. Nay bố mẹ yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là bà A. Việc cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ (bà A) là hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc gì.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa :*

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do. Và qua xem xét tại hồ sơ và các tài liệu bà A cung cấp là phù hợp với quy định pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; 36; 39; 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Mộng A.

Về con chung: Giao 02 con chung là Ngô Thị Trà C, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2012 và Ngô Thị Mẫn D, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2015 cho bà Nguyễn Mộng A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:* Xác định đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn” do bà Nguyễn Mộng A đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông Ngô Duy B cư trú tại: Thôn BX, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[1.2] *Về việc vắng mặt đương sự:* Bị đơn ông Ngô Duy B vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nên xem như ông B từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B theo thủ tục chung.

#### **[2] Phân tích nội dung tranh chấp:**

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà Nguyễn Mộng A cho thấy, bà và ông Ngô Duy B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 03 tháng 5 năm 2012. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi nhau, do ông B thường hay đi uống rượu và không quan tâm đến gia đình vợ con, bà A đã khuyên bảo ông B nhiều lần nhưng không được và ông B còn đánh đập bà A nhiều lần vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nay bà A xác định tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc từ lâu không còn ai quan tâm đến ai, bà A và ông B đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay, do đó bà A đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập giải quyết được ly hôn với ông Ngô Duy B.

Tại phiên tòa, bà A đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, tuy nhiên bà A trình tại biên bản lấy lời khai rằng bà và ông B đã cố gắng hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Mặc dù, tại phiên tòa không có mặt ông B, tuy nhiên bà A và ông B đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2020. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, từ lâu không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà A và ông B có 02 người con chung là Ngô Thị Trà C, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2012 và Ngô Thị Mẫn D, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2015. Quá trình thu thập chứng cứ cũng như lời khai, bản tự khai của bà A có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Ngô Thị Trà C và Ngô Thị Mẫn D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi vì hiện nay hai cháu đang ở với bà A. Về phía cháu C cũng có lời khai và nguyện vọng được ở với bà A, cháu D còn nhỏ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, nghĩ cần thiết phải giao 02 người con chung là Ngô Thị Trà C và Ngô Thị Mẫn D cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Mộng A về việc tranh chấp “Ly hôn”**

**Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Mộng A được ly hôn với ông Ngô Duy B.  
- Về con chung: Giao 02 người con chung là Ngô Thị Trà C, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2012 và Ngô Thị Mẫn D, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2015 cho bà Nguyễn Mộng A tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.*

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

**2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Bà Nguyễn Mộng A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006056 ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

**3. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận**

- TAND, VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Văn Phú Vinh**